

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ H**

Số: **107/2023/QĐST-DS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Anh, ngày 30 tháng 05 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ khoản 3 Điều 473, Bộ luật dân sự năm 2005;
Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010;
Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 134/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: phường T, quận H, tp H;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L- Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T - Chức vụ Giám đốc khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản (*Theo giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đ*);

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc H - Chức vụ Phó Giám đốc Khối QLKHCN KV Miền Bắc - Phòng QLKHCN KV Miền Bắc - Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản; ông Nguyễn Việt H - Chuyên viên tố tụng; ông Đỗ V -

Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ(Theo giấy ủy quyền số 4677/UQ ngày 13/03/2023 của Giám đốc khối Quản lý và Tài cấu trúc tài sản Ngân hàng Đ);

Bị đơn: Ông Nguyễn Sơn N - sinh năm 1990

Nơi cư trú:phố V, phường N, quận Đ, thành phố H;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền vay nợ : Bị đơn nhất trí còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 18/5/2023 là: 352.611.485đồng (trong đó nợ gốc 275.215.578 đồng và tổng nợ lãi 77.395.907đồng).

Về phương thức trả nợ: Bị đơn nhất trí thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ trên trong thời gian 03 tháng tính từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/08/2023 theo lộ trình sau:

- Tháng 6/2023 và tháng 7/2023 mỗi tháng thanh toán 50.000.000đồng ưu tiên trừ vào nợ gốc quá hạn, thanh toán trước ngày 25;

- Trước ngày 30/8/2023 thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi còn lại và lãi phát sinh tính từ ngày 19/05/2023 đến khi bị đơn thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn;

Về tài sản bảo đảm: Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết tại Tòa án thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp một lần theo quy định của pháp luật, tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 103849, số vào sổ cấp GCN: 5558.QĐ.UBND.2011/CH.00546.2011 do UBND huyện Đ, TP H cấp ngày 29/12/2011 mang tên Ông Nguyễn Sơn N, cụ thể như sau: Thửa đất số : 13(2); Tờ bản đồ số: 51; Địa chỉ: Xóm M, xã C, huyện Đ, thành phố H; Diện tích: 210,0 m² (bằng chữ: hai trăm mười phẩy không mét vuông); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 210,0 m²; Sử dụng chung: Không m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận tặng cho QSD đất theo hợp đồng số 9428/2011/HĐTC lập tại VPCC Trung tâm ngày 17/12/2011;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn;

Về chi phí tố tụng: 10.000.000đồng, bị đơn nhất trí chịu cả. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên hai bên thống nhất thỏa thuận bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 10.000.000đồng;

Về án phí: Tổng số tiền án phí là: 17.630.574đồng (Mười bảy triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng). Do các bên thỏa thuận được nên bị

đơn chỉ phải chịu $\frac{1}{2} = 8.815.000$ đồng (Tám triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006781 ngày 15/05/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Lương Vân